

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Khoa học cây trồng (Áp dụng từ K15)

(Ban hành theo Quyết định số 738/QĐ-TĐHHT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết			Điều kiện tiên quyết	Mức đào tạo
			LT	BT/TH	Tự học		
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương		37					
7.1.1. Lý luận chính trị		13					
11140165	Triết học Mác - Lênin	3	30	15	90		1
11140474	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	9	60	11140165	1
11140753	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	9		11140165 11140474	2
11140209	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9	60		2
11140721	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	9	60		1
30432001	Pháp luật đại cương	2	21	9	60		1
7.1.2. Khoa học xã hội		9					
30713010	Phát triển kỹ năng (NCKH, KN mềm, KN tìm kiếm việc làm...)	3	30	15	90		1
- Ngôn ngữ (chọn 2 học phần Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt)							1
30321001	Tiếng Anh 1	3	29	16	90		1
30322013	Tiếng Việt nâng cao 1	3	30	15	90		
30322014	Tiếng Việt nâng cao 2	3	30	15	90	30322013	1
30321002	Tiếng Anh 2	3	29	16	90	30321001	
7.1.3. Khoa học tự nhiên		15	9	6			
30111001	Toán cao cấp	3	30	15	90		1
30121002	Hoá đại cương	3	30	15	90		1
30131003	Sinh đại cương	3	30	15	90		1
30112055	Xác suất thống kê	3	30	15	90		1
30511001	Tin học đại cương	3	30	30*	75		1
7.1.4. Giáo dục thể chất		3*					
30991111	Giáo dục thể chất 1	1*	0	30*	30		1
30991112	Giáo dục thể chất 2	1*	0	30*	30		1
30992113	Giáo dục thể chất 3	1*	0	30*	30		1
7.1.5. Giáo dục quốc phòng		8					
31111001	Giáo dục quốc phòng 1	3	45	0	90		1
31111002	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	60		1
31111003	Giáo dục quốc phòng 3	3*	0	90*	45		1
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		84					
7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành		21					

30812002	Sinh lý thực vật	3	35	20*	80	30811001	1
30812003	Di truyền thực vật	3	35	20*	80	30812002	2
30812004	Vi sinh vật đại cương	3	35	20*	80		1
30812005	Thỏ nhưỡng đại cương	3	35	20*	80		1
30812009	Khí tượng nông nghiệp	3	35	20*	80		2
30812006	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	3	30	15	90		2
30813011	Phương pháp tưới tiêu	3	35	20*	80		2
7.2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành		36					
<i>- Bắt buộc</i>		27					
30812008	Côn trùng nông nghiệp	3	35	20*	80		2
30812007	Bệnh cây nông nghiệp	3	35	20*	80		2
30812010	Chọn tạo giống cây trồng	3	35	20*	80	30812003	2
30813014	Phân bón	3	35	20*	80	30812005	2
30813015	Cây lương thực	3	30	30*	75	30812002	2
30813016	Cây công nghiệp	3	30	30*	75	30812002	2
30813017	Cây ăn quả	3	30	30*	75	30812002	2
30813018	Cây rau	3	30	30*	75	30812002	2
30813021	Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan	3	30	30*	75	30812002	2
<i>- Tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần)</i>		9					
30813019	Cây dược liệu	3	30	30*	75	30812002	2
30811001	Thực vật học	3	35	20*	80		
30813013	Kinh tế nông nghiệp	3	30	15	90		
30813020	Cỏ dại	3	30	30*	75	30812002	
30813012	Phương pháp khuyến nông	3	30	30*	75	30812002	
30813022	Canh tác học	3	35	20*	80	30812005	
7.2.3. Thực tập, học nghề hoặc học thuật		27					
<i>Sinh viên chọn 1 trong 3 hình thức sau</i>							
<i>Hình thức 1: Thực tập tại cơ sở thực tập</i>		27					3
+ Thực tập 1 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 HP từ CT học thuật)		9	0	405	405		3
+ Thực tập 2 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 HP từ CT học thuật)		9	0	405	405		3
+ Thực tập tốt nghiệp và báo cáo thu hoạch thực tập tốt nghiệp (hoặc 3 HP từ CT học thuật)		9	0	405	405		3
<i>Hình thức 2: Học nghề 1 năm tại trường nghề</i>		27					
Sinh viên hoàn thành 27 TC của trường nghề hoặc 27 TC theo chương trình học thuật		27					3
<i>Hình thức 3: Chương trình học thuật</i>		27					
+ 6 học phần chuyên sâu		18					
30814023	Công nghệ sinh học UD trong cây trồng	3	35	20*	80	30812003	3

30814024	Thực hành NN tốt và NN an toàn	3	35	20*	80		3
30814025	Thuốc bảo vệ thực vật	3	35	20*	80	30812008	3
30814026	Công nghệ sản xuất giống cây trồng	3	35	20*	80	30812010	3
30814031	Kỹ thuật trồng cây không đất	3	30	30*	75		3
30814029	Xây dựng và quản lý dự án	3	30	15	90		3
+ <i>Thực tập tốt nghiệp</i>		3					
30814036	Thực tập tốt nghiệp	3	0	135	135		3
+ <i>Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 HP thay thế</i>		6					
30814037	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	270	270		3
+ <i>Học phần thay thế (Chọn 2 HP)</i>		6					
30814032	Quản lý dịch hại tổng hợp	3	35	20*	80	30812008	3
30814033	Quản lý cây trồng tổng hợp	3	35	20*	80	30813015	
30814034	Kinh doanh NN và DV nông thôn	3	30	15	80	30813013	
30814035	Nông lâm kết hợp	3	30	15	90		
Tổng		121					

Ghi chú: Mức 1 dạy ở kỳ 1, 2, 3, mức 2 dạy ở kỳ 4, 5, 6; mức 3 dạy ở kỳ 7, 8